

HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

TS. Lương Đình Văn

● **TÓM TẮT:** Bài viết tập trung phân tích thực trạng hệ thống chính sách, pháp luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) tại Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng. Nội dung bài viết đánh giá những kết quả đạt được, đồng thời chỉ ra các rào cản về thủ tục hành chính, khả năng tiếp cận vốn và năng lực cạnh tranh thấp của doanh nghiệp trước các hiệp định thương mại tự do (FTA). Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất các nhóm giải pháp nhằm hoàn thiện khung pháp lý, nâng cao hiệu quả thực thi chính sách hỗ trợ để giúp DNNVV tận dụng cơ hội và vượt qua thách thức trong chuỗi giá trị toàn cầu.

● **Từ khóa:** Doanh nghiệp nhỏ và vừa; Chính sách hỗ trợ; Hội nhập kinh tế quốc tế; Hoàn thiện pháp luật; Hiệp định thương mại tự do.

● **ABSTRACT:** This article focuses on analyzing the current state of the legal and policy system supporting small and medium-sized enterprises (SMEs) in Vietnam in the context of deep international economic integration. The paper evaluates the achievements that have been made, while also identifying barriers related to administrative procedures, access to finance, and the low competitiveness of enterprises in the face of free trade agreements (FTAs). On that basis, the article proposes groups of solutions to improve the legal framework and enhance the effectiveness of policy implementation in order to help SMEs seize opportunities and overcome challenges within global value chains.

● **Keywords:** Small and medium-sized enterprises (SMEs); Support policies; International economic integration; Legal reform; Free trade agreements (FTAs).

Ngày nhận bài: 06/7/2026 - Ngày bình duyệt: 28/7/2026. Ngày duyệt đăng: 10/8/2026

DNNVV chiếm khoảng 98% tổng số doanh nghiệp của cả nước, đóng góp hơn 40% GDP và 50% việc làm tại Việt Nam. Tuy nhiên, hội nhập kinh tế quốc tế không chỉ mang đến cơ hội mà cả những thách thức, áp lực cạnh tranh. Việc xây dựng một bộ

pháp lý vững chắc không chỉ là yêu cầu nội tại mà còn là cam kết quốc tế để đảm bảo sự phát triển bền vững.

KHUNG PHÁP LÝ HIỆN HÀNH

Đã có nhiều văn bản của Đảng, Nhà nước, Chính phủ được ban hành về việc hỗ

trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trong hội nhập kinh tế toàn cầu, góp phần tích cực hơn nữa vào sự phát triển chung của đất nước.

1. *Luật Hỗ trợ DNNVV năm 2017*: Đây là văn bản pháp lý cao nhất tạo nền tảng đồng bộ cho các hoạt động hỗ trợ từ tài chính, công nghệ đến mở rộng thị trường.

2. *Hệ thống Nghị định hướng dẫn*: Các Nghị định 38/2018/NĐ-CP (đầu tư khởi nghiệp sáng tạo), 39/2018/NĐ-CP và sau này là 80/2021/NĐ-CP đã cụ thể hóa các danh mục hỗ trợ về thuế, phí và đào tạo nguồn nhân lực.

3. *Chính sách đặc thù*: Các chương trình chuyển đổi số quốc gia và hỗ trợ DNNVV tham gia chuỗi giá trị toàn cầu đã bước đầu hình thành các hệ sinh thái sản xuất liên kết.

Đi vào những nội dung cụ thể trong chính sách, pháp luật hỗ trợ DNNVV, có thể thấy:

* *Khung khổ pháp lý trụ cột: Luật Hỗ trợ DNNVV*

Luật Hỗ trợ DNNVV (Luật số 04/2017/QH14) là văn bản pháp lý toàn diện nhất, thiết lập những nội dung hỗ trợ cơ bản, gồm:

- Hỗ trợ tiếp cận tín dụng & Tài chính: Thông qua Quỹ phát triển DNNVV và các cơ chế bảo lãnh tín dụng. Đặc biệt, chính sách mới (như Nghị quyết 198/2025/QH15) cho phép miễn thuế TNDN trong 03 năm đầu thành lập.

- Hỗ trợ mặt bằng sản xuất: UBND cấp tỉnh có trách nhiệm bố trí quỹ đất tại các khu/cụm công nghiệp và hỗ trợ giá thuê mặt bằng trong tối đa 05 năm.

- Hỗ trợ mở rộng thị trường & Pháp lý: Hướng tới mục tiêu 100% doanh nghiệp được hỗ trợ pháp lý miễn phí khi có nhu cầu để tránh các rủi ro tranh chấp quốc tế.

* *Hỗ trợ DNNVV trong bối cảnh thực thi các FTA thế hệ mới*

Việt Nam đã tham gia 18 FTA (như

CPTPP, EVFTA), mở ra cánh cửa tiếp cận 90% GDP toàn cầu. Chính sách tập trung vào 03 nhóm ưu tiên:

Thứ nhất, tham gia chuỗi giá trị toàn cầu: Hỗ trợ các doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ liên kết với các tập đoàn đa quốc gia (FDI) để chuyển giao công nghệ.

Thứ hai, chuyển đổi số & Đổi mới công nghệ: Nhà nước hỗ trợ tối đa 50% chi phí tư vấn chuyển đổi số (không quá 100 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp vừa) để giúp doanh nghiệp đáp ứng tiêu chuẩn khắt khe của quốc tế.

Thứ ba, nâng cao năng lực tuân thủ: Các khóa đào tạo về quy tắc xuất xứ, rào cản kỹ thuật (TBT), và tiêu chuẩn môi trường giúp doanh nghiệp tận dụng ưu đãi thuế quan.

* *Xu hướng mới: “Chuyển đổi kép” (Xanh & Số)*

Trong năm 2026, trọng tâm chính sách đang dịch chuyển mạnh mẽ sang phát triển bền vững, cụ thể là:

- Hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo: Miễn/giảm thuế thu nhập cho các hoạt động đổi mới sáng tạo và chuyển nhượng vốn vào startup.

- Tăng trưởng xanh: Các chương trình đào tạo mới hỗ trợ doanh nghiệp tối ưu hóa năng lượng, quản lý chất thải để vượt qua các “hàng rào xanh” của thị trường EU và Mỹ.

Mặc dù khung pháp lý đã khá đầy đủ, nhưng thực tế việc tiếp cận nguồn lực (đặc biệt là tín dụng từ Quỹ phát triển DNNVV) vẫn còn nhiều rào cản về thủ tục, khiến hiệu quả thực thi chưa đạt như kỳ vọng. Đây là vấn đề cần sớm được khắc phục.

Đặc biệt, ngày 04 tháng 5 năm 2025, Tổng Bí thư Tô Lâm đã ký ban hành Nghị quyết 68-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân. Nghị quyết 68-NQ/TW năm 2025 nêu rõ kinh tế tư nhân được bảo đảm điều kiện trong quá trình phát triển

tại Mục 3 Phần I về quan điểm chỉ đạo phát triển kinh tế tư nhân như sau:

(1) Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia, là lực lượng tiên phong thúc đẩy tăng trưởng, tạo việc làm, nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh quốc gia, công nghiệp hoá, hiện đại hoá, tái cấu trúc nền kinh tế theo hướng xanh, tuần hoàn, bền vững; cùng với kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân giữ vai trò nòng cốt để xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường gắn với hội nhập quốc tế sâu rộng, thực chất, hiệu quả, đưa đất nước thoát khỏi nguy cơ tụt hậu, vươn lên phát triển thịnh vượng.

(2) Phát triển kinh tế tư nhân nhanh, bền vững, hiệu quả, chất lượng cao vừa là nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách, vừa mang tính chiến lược lâu dài; cần được cụ thể hoá trong các chiến lược, chính sách phát triển của đất nước; nhằm phát huy mọi tiềm năng, thế mạnh, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, kích hoạt, huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực, nhất là nguồn lực trong Nhân dân cho phát triển kinh tế - xã hội, củng cố và tăng cường quốc phòng, an ninh, tăng cường đối ngoại và hội nhập quốc tế.

(3) Xoá bỏ triệt để nhận thức, tư tưởng, quan niệm, thái độ định kiến về kinh tế tư nhân Việt Nam; đánh giá đúng vai trò quan trọng của kinh tế tư nhân đối với phát triển đất nước; nuôi dưỡng, khuyến khích tinh thần kinh doanh, đổi mới sáng tạo của người dân, doanh nghiệp, tôn trọng doanh nghiệp, doanh nhân, xác định doanh nhân là người chiến sĩ trên mặt trận kinh tế; bảo đảm đầy đủ quyền sở hữu tài sản, quyền tự do kinh doanh, quyền cạnh tranh bình đẳng, được tự do kinh doanh các ngành nghề pháp luật không cấm; tạo dựng, củng cố niềm tin giữa Nhà nước và khu vực kinh tế tư nhân; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp và doanh nhân; bảo đảm kinh tế tư

nhân *cạnh tranh bình đẳng với các thành phần kinh tế khác trong tiếp cận cơ hội kinh doanh và các nguồn lực của nền kinh tế*, nhất là vốn, đất đai, công nghệ, nhân lực, dữ liệu và các nguồn lực hợp pháp khác của đất nước theo quy định của pháp luật.

(4) Tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, ổn định, an toàn, dễ thực thi, chi phí thấp, đạt chuẩn quốc tế, bảo đảm khả năng cạnh tranh khu vực, toàn cầu. Kịp thời xây dựng, hoàn thiện pháp luật và cơ chế, chính sách đột phá để khuyến khích kinh tế tư nhân phát triển trong những lĩnh vực ưu tiên, đầu tư nghiên cứu phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, tham gia vào các nhiệm vụ quan trọng, chiến lược của quốc gia và vươn tầm khu vực, thế giới; thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp sáng tạo, chuyển đổi số và làm giàu hợp pháp, chính đáng.

(5) Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, kiến tạo của Nhà nước, lấy doanh nghiệp là trung tâm, là chủ thể; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ doanh nhân có đạo đức, văn hoá kinh doanh, bản lĩnh, trí tuệ, năng động, sáng tạo, nỗ lực vươn lên; tôn vinh, cổ vũ, phát triển đội ngũ doanh nhân lớn mạnh, có tinh thần yêu nước, tự tôn dân tộc, khát vọng cống hiến, thượng tôn pháp luật, tích cực thực hiện trách nhiệm xã hội.

Nghị quyết số 68 nêu rõ kinh tế tư nhân được bảo đảm điều kiện trong quá trình phát triển: *cạnh tranh bình đẳng với các thành phần kinh tế khác trong tiếp cận cơ hội kinh doanh và các nguồn lực của nền kinh tế*.

Nghị quyết số 68 đồng thời xác định 08 nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế tư nhân bao gồm:

(1) Đổi mới tư duy, thống nhất cao về nhận thức và hành động, khơi dậy niềm tin, khát vọng dân tộc, tạo xung lực mới, khí thế mới để phát triển kinh tế tư nhân.

(2) Đẩy mạnh cải cách, hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế, chính sách, bảo đảm

và bảo vệ hữu hiệu quyền sở hữu, quyền tài sản, quyền tự do kinh doanh, quyền cạnh tranh bình đẳng của kinh tế tư nhân và bảo đảm thực thi hợp đồng của kinh tế tư nhân.

- Đẩy mạnh cải cách, hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế, chính sách.

- Bảo đảm và bảo vệ hữu hiệu quyền sở hữu, quyền tự do kinh doanh, quyền tài sản, quyền cạnh tranh bình đẳng và bảo đảm thực thi hợp đồng của kinh tế tư nhân.

- Tuân thủ nguyên tắc phân định rõ trách nhiệm hình sự với hành chính, dân sự; giữa pháp nhân và cá nhân trong xử lý vi phạm.

(3) Tạo thuận lợi cho kinh tế tư nhân tiếp cận các nguồn lực về đất đai, vốn, nhân lực chất lượng cao.

- Tăng cường cơ hội tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh cho kinh tế tư nhân.

- Đẩy mạnh và đa dạng hoá nguồn vốn cho kinh tế tư nhân.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho kinh tế tư nhân.

(4) Thúc đẩy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh doanh hiệu quả, bền vững trong kinh tế tư nhân.

(5) Tăng cường kết nối giữa các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp tư nhân với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp FDI.

(6) Hình thành và phát triển nhanh các doanh nghiệp lớn và vừa, các tập đoàn kinh tế tư nhân tầm cỡ khu vực và toàn cầu.

(7) Hỗ trợ thực chất, hiệu quả doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ và hộ kinh doanh.

(8) Đề cao đạo đức kinh doanh, phát huy trách nhiệm xã hội, thúc đẩy mạnh mẽ tinh thần kinh doanh, tạo mọi điều kiện thuận lợi để doanh nhân tham gia quản trị đất nước.

Một văn bản quan trọng khác nữa về phát triển kinh tế tư nhân là Nghị định số 20/2026/NĐ-CP ngày 15/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị quyết 198/2025/QH15 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân. Theo đó, có 05 chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa như sau:

1. *Hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng, sử dụng quỹ đất tại khu công nghiệp, vườn ươm công nghệ theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 7 Nghị quyết 198/2025/QH15.*

2. *Hoàn trả khoản hỗ trợ giảm tiền thuê lại đất tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị quyết 198/2025/QH15.*

3. *Hỗ trợ thuê nhà, đất là tài sản công.*

4. *Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm đối với doanh nghiệp đăng ký kinh doanh lần đầu.*

5. *Hỗ trợ miễn phí các nền tảng số, phần mềm kế toán.*

Hội nhập kinh tế quốc tế vừa là cơ hội mở rộng thị trường, vừa là áp lực cạnh tranh khốc liệt đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Để thích ứng, hệ thống pháp luật Việt Nam đã có những bước chuyển mình từ “quản lý hành chính” sang “hỗ trợ và phục vụ”, được thể hiện rất rõ với sự ra đời của nhiều chính sách, nghị quyết, nghị định hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trong quá trình phát triển và hội nhập.

THỰC TRẠNG THỰC THI CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

Việc thực thi chính sách, pháp luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trong hội nhập kinh tế quốc tế tại Việt Nam đã đạt được những bước tiến quan trọng về khung pháp lý, nhưng vẫn tồn tại khoảng cách lớn giữa quy định và thực tiễn triển khai.

1. Những kết quả tích cực

- *Hệ thống pháp lý dần hoàn thiện*: Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa 2017 và các Nghị định hướng dẫn (như Nghị định 55/2029/NĐ-CP; Nghị định 80/2021/NĐ-CP) đã tạo hành lang pháp lý rõ ràng hơn; chuyển tư duy từ “quản lý hành chính” sang “hỗ trợ và phục vụ”.

- *Cải cách hành chính*: Việc ứng dụng chuyển đổi số trong đăng ký kinh doanh, kê khai thuế giúp giảm bớt gánh nặng chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp. Cải thiện đáng kể trong cải cách thủ tục hành chính và hỗ trợ lãi suất (gói hỗ trợ 2%/năm).

- *Hỗ trợ tiếp cận thông tin*: Các cổng thông tin quốc gia về doanh nghiệp nhỏ và vừa giúp doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận các ưu đãi từ các hiệp định thương mại tự do (FTA). Nhiều địa phương đã chủ động tổ chức tập huấn, hỗ trợ trải nghiệm các nền tảng quản trị số và quảng bá sản phẩm trên sàn thương mại điện tử quốc tế. Các cơ quan như Viện Nghiên cứu chiến lược, chính sách Công Thương cung cấp thông tin về các hiệp định FTA thế hệ mới như CPTPP để doanh nghiệp nắm bắt cơ hội.

- *Đa dạng hóa các hình thức hỗ trợ*: Các chương trình hỗ trợ hiện nay bao trùm nhiều lĩnh vực then chốt như: Áp dụng mức thuế thu nhập doanh nghiệp thấp hơn phổ thông và hỗ trợ lãi suất cho các dự án chuyển đổi số, sản xuất xanh.

2. Những hạn chế, bất cập

- *Tiếp cận nguồn vốn*: Đây vẫn là “điểm nghẽn” lớn nhất. Các doanh nghiệp nhỏ và vừa thường thiếu tài sản thế chấp, trong khi các quỹ bảo lãnh tín dụng hoạt động chưa thực sự hiệu quả. Thủ tục hành chính để nhận hỗ trợ (như tín dụng, quỹ bảo lãnh) còn phức tạp, khiến doanh nghiệp “ngại” tiếp cận. Nhiều doanh nghiệp còn lúng túng, các chính sách hỗ trợ chưa theo kịp tốc độ chuyển đổi số toàn cầu.

- *Thực thi tại địa phương*: Có sự chênh lệch lớn giữa các tỉnh thành. Nhiều chính

sách ưu đãi về mặt bằng sản xuất hay hỗ trợ công nghệ vẫn “nằm trên giấy” do thiếu nguồn lực thực hiện. Sự phối hợp giữa các sở ngành còn rời rạc.

- *Khả năng tận dụng FTA*: Doanh nghiệp còn lúng túng trước các quy định về quy tắc xuất xứ, tiêu chuẩn xanh và rào cản kỹ thuật khắt khe từ thị trường quốc tế.

- *Nguồn lực thực hiện*: Các chính sách đào tạo, bồi dưỡng nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa chưa bắt kịp tốc độ thay đổi của công nghệ và yêu cầu hội nhập. Ngân sách hỗ trợ còn hạn hẹp và dàn trải, chưa tập trung vào các lĩnh vực mũi nhọn có tính lan tỏa cao. Vẫn còn tình trạng đùn đẩy trách nhiệm giữa các cấp quản lý, gây “điểm nghẽn” trong khâu giải quyết thủ tục hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp.

- *Sự chồng chéo*: Một số quy định giữa Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và các Luật chuyên ngành (Thuế, Đất đai, Đầu tư) chưa thực sự đồng nhất, tạo ra độ trễ trong thực thi.

- *Sự lúng túng trong giai đoạn chuyển tiếp*: Quá trình sáp nhập đơn vị hành chính và sự chậm trễ trong việc ban hành các văn bản hướng dẫn chi tiết tại địa phương gây khó khăn cho việc áp dụng các đạo luật mới.

- *Hiệu quả tuyên truyền chưa cao*: Công tác phổ biến pháp luật hội nhập đôi khi còn hình thức, chưa đúng trọng tâm đối tượng, dẫn đến việc nhiều doanh nghiệp không nắm bắt được các ưu đãi dành cho mình.

- *Năng lực nội tại của doanh nghiệp yếu*: Phần lớn doanh nghiệp nhỏ và vừa có trình độ quản trị hạn chế, công nghệ lạc hậu, khó đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe về môi trường và lao động trong chuỗi giá trị toàn cầu.

3. Nguyên nhân của thực trạng

- *Thể chế thiếu đồng bộ*: Hệ thống pháp luật đôi khi chồng chéo, chưa thực sự thiết lập được cơ chế đặc thù mạnh mẽ cho

doanh nghiệp nhỏ và vừa so với các doanh nghiệp lớn.

- *Nguồn lực ngân sách hạn hẹp*: Các quỹ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và quỹ bảo lãnh tín dụng tại nhiều địa phương hoạt động chưa hiệu quả do thiếu vốn môi và cơ chế vận hành còn nặng tính hành chính.

- *Vai trò của hiệp hội doanh nghiệp còn mờ nhạt*: Các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp chưa được coi trọng đúng mức trong việc tham gia phản biện và triển khai chính sách

GIẢI PHÁP ĐỀ XUẤT

- *Cải cách cơ chế tiếp cận tài chính*: Đơn giản hóa điều kiện vay vốn từ Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa; thúc đẩy các kênh tài chính phi ngân hàng (cho thuê tài chính, vốn mạo hiểm). Đẩy mạnh cho vay dựa trên dòng tiền hoặc tín chấp thông qua xếp hạng tín nhiệm.

- *Hỗ trợ thực chất*: Không chỉ dừng lại ở nâng cao nhận thức mà cần hỗ trợ tài chính trực tiếp cho việc mua sắm giải pháp công nghệ. Thay vì hỗ trợ cào bằng, cần tập trung vào các doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng xuất khẩu, doanh nghiệp xanh và doanh nghiệp công nghệ số.

- *Đào tạo chuyên sâu về FTA*: Hướng dẫn doanh nghiệp cách “vượt rào” kỹ thuật

và tận dụng ưu đãi thuế quan một cách cụ thể theo từng ngành hàng.

- *Nội luật hóa các cam kết quốc tế*: Rà soát và điều chỉnh các quy định về trợ cấp, mua sắm công phù hợp với tiêu chuẩn WTO và các FTA để tránh tranh chấp. Xây dựng các trung tâm hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tận dụng FTA, hướng dẫn cụ thể về quy tắc xuất xứ và hàng rào kỹ thuật.

- *Nâng cao năng lực quản trị thực thi*: Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp nhỏ và vừa liên thông để giảm bớt thủ tục xác nhận đối tượng thụ hưởng chính sách. Tăng cường phân cấp, phân quyền cho địa phương và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong quản lý hỗ trợ.

- *Hoàn thiện khung pháp lý*: Sửa đổi Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo hướng đột phá, đơn giản hóa điều kiện thụ hưởng hỗ trợ.

Chính sách pháp luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa cần chuyển dịch từ tư duy “cho không” sang tư duy “tạo nền tảng”. Trong bối cảnh hội nhập, sự hỗ trợ hiệu quả nhất chính là tạo ra môi trường kinh doanh minh bạch, giảm chi phí tuân thủ và nâng cao khả năng tự chống chọi của doanh nghiệp trước các cú sốc thị trường toàn cầu./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa 2017.
2. Nghị quyết 68 -NQ/TW của Bộ Chính Trị
3. Nghị định số 20/2026/NĐ-CP của Chính phủ
4. Báo cáo thường niên doanh nghiệp Việt Nam (VCCI).

5. Các cam kết trong Hiệp định EVFTA và CPTPP.
6. Nghị định 80/2021/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ DNNVV.
7. Báo cáo tình hình triển khai Luật Hỗ trợ DNNVV của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.